

TÌM HIỂU VỀ VỐN NIỀM TIN TRONG CHÍNH TRỊ HỌC (qua trường hợp tái thắng cử của Barack Obama)

NGUYỄN HỒNG HẢI^(*)

Trong thời đại của các cuộc khủng hoảng hiện nay: khủng hoảng chính trị (xung đột phe phái và các cuộc cách mạng thay đổi chế độ), khủng hoảng kinh tế (vỡ tín dụng, tăng trưởng chậm), khủng hoảng an ninh (tranh chấp chủ quyền dẫn đến xung đột vũ trang), điều duy nhất khiến chúng ta thấy mọi thứ vẫn còn trong tầm kiểm soát chính là nhờ có *niềm tin*. Niềm tin rằng các cuộc khủng hoảng đều có giải pháp để giải quyết. Điều này đúng trong mọi trường hợp, kể cả trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ cuối tháng 11/2012 vừa qua. Bài viết này tìm hiểu *vốn niềm tin* trong chính trị học thông qua trường hợp tái thắng cử của B. Obama.

Vốn niềm tin trong chính trị học

Niềm tin không phải là một khái niệm mới trong lý thuyết chính trị học. Tuy nhiên, nếu được hỏi "niềm tin là gì?", không ai có thể trả lời được chính xác cho câu hỏi này. Bởi vì, niềm tin "là một cảm giác, không thể mô tả hình thù của nó" [17]. Đặc tính của niềm tin là sự dao động, tăng-giảm, nhiều-ít tùy thuộc vào cảm nhận chủ quan của mỗi cá nhân [18]. Cách đây hơn bốn thập kỷ, nhà chính trị học người Mỹ Robert Putnam đã nói đến "vốn xã hội" bao gồm

niềm tin, các quy phạm đạo đức và những giá trị xã hội trong một nghiên cứu về cách thức để một nền dân chủ vận hành ở Italia [Xem 13]. Niềm tin được nhiều nhà lý luận chính trị xem là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển nền quản trị dân chủ [Theo 4; 5; 15]. Niềm tin thể hiện ở hai cấp độ: thể chế và cá nhân.

Về phương diện *thể chế*, niềm tin đóng vai trò quan trọng, là bằng chứng về hiệu quả hoạt động, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của những người được coi là "đầy tớ" – công chức nhà nước – với "người chủ" – nhân dân. Nhà chính trị học Cynthia Horne dẫn lại lập luận của một số học giả cho rằng niềm tin vào chính phủ, niềm tin vào các thể chế công quyền, niềm tin vào các thiết chế xã hội, và niềm tin giữa các cá nhân với nhau hay còn được gọi là niềm tin xã hội góp phần quan trọng vào quá trình dân chủ hóa. Horne đi đến kết luận rằng thiếu niềm tin vào những phạm trù này sẽ là rào cản cho việc củng cố dân chủ và phát triển kinh tế [7, 2]. Nhận định này cũng phù hợp với quan điểm của học giả lừng danh Francis

^(*) Nghiên cứu sinh Khoa Chính trị học và Quan hệ Quốc tế, Đại học Queensland, Australia.

Fukuyama khi ông cho rằng niềm tin là yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh tế của đời sống xã hội, là đặc trưng văn hóa thấm thấu cho sự thịnh vượng của một đất nước [Xem thêm 1, 7].

Về lý thuyết, mối quan hệ giữa người dân với nhà nước nên được xem là mối quan hệ bất bình đẳng. Nhà nước với những công cụ và thiết chế quyền lực có thể áp đặt những quy định và điều luật mà người dân buộc phải tuân theo. Tuy nhiên, trong một xã hội dân chủ với giả thiết rằng chính quyền là “của dân, do dân, và vì dân”, thì người dân có thể gây áp lực thông qua đại diện dân cử hoặc các mạng lưới xã hội của họ để nhà nước phải thay đổi những điều luật mà người dân không hài lòng, và thậm chí người dân có thể trực tiếp thay đổi những điều luật đó bằng một chính phủ khác thông qua bầu cử hoặc bằng những phong trào quyền lực nhân dân như đã diễn ra ở Philippines hay các nước Arab và một số nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ trước đây. Chính vì vậy, trong một nhà nước dân chủ, khi chính quyền muốn người dân tuân theo những quy định mà mình ban hành, thì chính phủ phải làm sao cho người dân tin rằng những quy định đó là đúng và đem lại lợi ích cho người dân. Lẽ đương nhiên, nhà nước cũng phải có niềm tin ở dân vì không thể có một nhà nước nếu nhà nước đó không dựa vào dân. Hoàng Ngũ Phúc, một vị quan thời Hậu Lê ở Việt Nam, đã có câu đối lột tả được mối quan hệ nhà nước với dân, thể hiện mối quan hệ tin cậy giữa nhà nước với dân, giữa dân với nhà nước rằng:

“Nước lấy dân làm gốc; nước bình yên, nước hãy để dân yên”

“Dân lấy nước làm lòng; khi nhiều sự dân ra gánh vác” [Dẫn theo 16]

Niềm tin trong mối quan hệ hai chiều giữa nhà nước với dân như thế không chỉ đơn thuần là đặc trưng cơ bản của vốn xã hội như Putnam xác định [13, 170], mà hơn thế, nó trở thành một thứ vốn – vốn niềm tin.

Vốn niềm tin như là một tài sản được tạo dựng từ sự tích lũy niềm tin trong cả một quá trình tương tác giữa các bên mà cơ sở là sự hài lòng của bên này với bên kia và trở thành nguồn lực được khai thác để duy trì và củng cố nền quản trị dân chủ. Sự suy giảm vốn niềm tin trong xã hội đặt ra nguy cơ mất ổn định chính trị và xung đột. Điều này đồng nghĩa với tình trạng thiếu dân chủ như thực tiễn đã cho thấy ở những nước Trung và Đông Âu thời kỳ chuyển đổi sau khi CNXH sụp đổ [7]. Chính vì vậy, trong khi niềm tin là yếu tố góp phần vào quá trình dân chủ hóa, thì mức độ dân chủ là thước đo của vốn niềm tin.

Niềm tin vào cá nhân lãnh đạo chính trị cũng sẽ là động lực cho sự phát triển và duy trì sự ổn định. Một điều dễ nhận thấy của việc này là phản ứng của các thị trường tài chính, thị trường chứng khoán hay các nhà đầu tư khi biết một cá nhân nào đó sẽ hoặc đã được bầu vào vị trí lãnh đạo một chính phủ. Tất nhiên, những phản ứng tích cực tức thời như thế này có thể không đưa đến những kết quả cuối cùng là đúng. Một câu hỏi đặt ra là liệu cá nhân lãnh đạo chính trị có tạo ra được niềm tin xã hội không? Theo cách diễn giải của Horne [7, 2] về bài phát biểu của Fukuyama [2], niềm tin có thể tạo ra được. Làm thế nào để các nhà lãnh đạo chính trị có thể tạo ra được niềm tin của công chúng vào

chính phủ và với chính bản thân họ? Theo Margaret Levi, lãnh đạo chính trị muốn tạo được niềm tin phải có, trong số nhiều phẩm chất, sự nhất quán thể hiện qua hồ sơ hành động và những cam kết đáng tin cậy [10, 86].

Niềm tin được chính B. Obama coi là vấn đề quan trọng nhất, nghiêm túc nhất trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ hồi tháng 11 vừa qua [Xem thêm 12]. Điều này đúng khi xã hội Mỹ đang trải qua cuộc khủng hoảng về niềm tin thể hiện qua sự giảm sút về mức độ của người dân Mỹ tham gia vào các mạng lưới xã hội, về niềm tin giữa cá nhân với nhau và về niềm tin xã hội vào hiệu lực của pháp luật khi tỷ lệ tội phạm và kiện tụng ngày một tăng [Theo 1, 269-321]. Vậy, chiến thắng của Obama có phải là chiến thắng của niềm tin?

Chiến thắng của Obama và vốn niềm tin

Có thể khẳng định ngay rằng chiến thắng của Obama là chiến thắng của niềm tin của cử tri Mỹ vào những gì ông đã làm được trong bốn năm qua.

Barack Obama tái cử khi nền kinh tế Mỹ vẫn đang chật vật vượt qua những khó khăn; tỷ lệ thất nghiệp cao nhất đối với một tổng thống đương nhiệm kể từ cuộc Đại Suy thoái những năm 1930. Thế nhưng, những dấu hiệu của nền kinh tế đang phục hồi, cho dù chậm chạp, đã khiến cử tri Mỹ tin rằng những chính sách kinh tế của chính quyền Obama đang làm là đúng. Chiến thắng của Obama ở bang chiến trường Ohio, nơi ông đã thực thi quyết liệt chiến dịch giải cứu ngành công nghiệp ô-tô thông qua gói cứu trợ liên bang, từ đó đã giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người, là bằng chứng của vốn niềm tin mà ông đã tạo dựng được [11].

Nhiều cử tri Mỹ cho rằng cuộc sống của họ không hề tốt hơn bốn năm trước. Tuy nhiên, họ cũng hiểu rằng bốn năm cho một tổng thống có thể xoay chuyển để cuộc sống của họ trở lại khá giả trên nền một di sản đổ nát của chính quyền trước là quá ít. Điều quan trọng hơn là họ tin rằng chính Obama là người hiểu được những khó khăn liên quan đến chi phí học hành cho con em họ, chi phí bảo hiểm, và mức sống xuống thấp do khủng hoảng kinh tế. Nguồn gốc xuất thân và chính sách hướng tới tầng lớp nghèo và bình dân của Obama đã tạo cho ông có được niềm tin đó so với Mitt Romney, người đại diện cho giới kinh doanh giàu có ở Mỹ.

Một nghịch lý là trong khi nền kinh tế đang trong thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng, nhưng khoảng cách giàu nghèo vẫn ngày càng nói rộng ra, bất bình đẳng xã hội ngày càng tăng. Điều này làm trầm trọng thêm sự phân hóa xã hội và có nguy cơ dẫn đến xung đột. Phong trào Chiếm phố Wall là một dấu hiệu bất mãn của người dân không phải với chính quyền mà là sự va chạm giữa giàu và nghèo, giữa tầng lớp xa hoa và nhóm người bần cùng. Những xung đột như vậy đe dọa đến những giá trị dân chủ vốn là niềm tự hào của người Mỹ. Ông Obama được bầu lại vì cử tri Mỹ tin rằng những chính sách của ông như tăng thuế với người giàu, cải cách y tế và bảo hiểm y tế hướng tới người nghèo, cắt giảm thâm thủng ngân sách, sẽ giúp họ vượt qua những khó khăn hiện tại.

Trên một loạt những vấn đề khác như an ninh, năng lượng, bảo vệ môi trường, phòng chống thảm họa, ông Obama cũng lấy được niềm tin của cử tri Mỹ về cách ông hành động và kết

quả từ những hành động đó. Trong khi đó, đối thủ Đảng Cộng hòa của ông, Mitt Romney, lại không có được niềm tin hoặc nếu có thì đó là niềm tin tiêu cực của cử tri Mỹ đối với ông. Cử tri Mỹ tin rằng chính sách kinh tế của Mitt Romney, nếu thắng cử, chỉ bảo vệ 1% dân số người giàu mà xa lánh 99% dân số nước Mỹ. Các cử tri Mỹ cũng tin rằng nhiều đề xuất của ông Mitt Romney là viễn vông, không thực tế (trên vấn đề cải cách thuế thu nhập liên bang), không quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu (trên vấn đề khai thác năng lượng), không có kế hoạch cắt giảm chi tiêu cụ thể (trên vấn đề giảm thâm thủng ngân sách), và không nhất quán (trên vấn đề cứu trợ phòng chống thảm họa thiên tai) [3].

Một niềm tin khác nữa mà ông Obama có, trong khi ông Mitt Romney thì không, đó là niềm tin của quốc tế về cách tiếp cận ôn hòa của ông Obama, so với cách tiếp cận hiếu chiến của Mitt Romney. Người dân thế giới đã chán những cảnh chiến tranh, xung đột ở Iraq và Afghanistan, trong khi đó Mitt Romney tuyên bố rằng nếu được bầu làm tổng thống sẽ tấn công Iran. Vì thế, người dân thế giới mong muốn Obama thắng hơn là Mitt Romney, vì họ tin rằng Obama sẽ ủng hộ hòa bình, còn Mitt Romney ủng hộ chiến tranh. Niềm tin quốc tế này không ảnh hưởng trực tiếp tới lá phiếu của cử tri Mỹ, nhưng nó là điểm cộng cho Obama để đánh bại Mitt Romney.

Những gì ông Obama đã làm và thể hiện trong nhiệm kỳ đầu đã cho phép ông tạo dựng được vốn niềm tin trong cử tri Mỹ. Và chính vốn niềm tin đó đã giúp ông nhận được lá phiếu ủng hộ của

cử tri Mỹ để ông tiếp tục ở lại Nhà Trắng thêm 4 năm nữa, bởi vì họ tin rằng ông là người khả tín, sẽ thực hiện những gì mà ông đã cam kết khi vận động tranh cử.

* *
*

Niềm tin vào chính phủ, niềm tin vào các thể chế công quyền, niềm tin vào các thiết chế xã hội, và niềm tin vào các nhà lãnh đạo chính trị không phải là yếu tố quyết định, nhưng là điều kiện cần và đủ để củng cố nền dân chủ và phát triển. Cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2012 là một ví dụ so sánh cho thấy tác động có ý nghĩa của niềm tin và mất niềm tin.

Nhiều người khi nhận xét về bầu cử tổng thống ở Mỹ thường cho rằng đó là ví dụ điển hình về chính trị đồng tiền. Đương nhiên trong một nền dân chủ cạnh tranh, việc tiêu tốn kỷ lục 2 tỷ USD trong đợt bầu cử vừa rồi là điều khó tránh khỏi, đó là chưa kể ước tính 4 tỷ USD khác nữa được dùng vào các chương trình quảng cáo thương mại để ủng hộ cho hai ứng cử viên của hai đảng. Nhưng tiền chỉ là một phần và không thể quyết định mọi thứ. Một nền dân chủ sẽ không thể vận hành tốt nếu người dân thiếu niềm tin vào chính quyền và chính trị gia của họ. Vốn niềm tin là nền tảng của dân chủ, và niềm tin đó phải là niềm tin tự nguyện và tích cực. Nghĩa là chính quyền và chính trị gia phải làm những gì mà người dân mong muốn và đáp ứng được đúng nguyện vọng của cử tri đã bầu ra họ. Việc ông Obama đáp ứng lại niềm tin của cử tri trong nhiệm kỳ hai của ông như thế nào sẽ có tác động tích cực hoặc tiêu cực cho những người của đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử lần tới năm 2016 □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fukuyama, F. (1995). *Trust: The Social Virtues and the Creation of Prosperity*. Free Press, New York.
2. Fukuyama, F. (2007). "Fukuyama on need for public trust". *Nepszabadsag*, June 20.
3. Gelinas, N. (2012). "Why Romney Lost". *City Journal* <http://www.city-journal.org/2012/eon1107ng.html>
4. Gershtenson, J. (2007). *Trust in Government*. Eastern Kentucky University.
5. Hardin, R. (1998). *Trust in Government*. In: Braithwaite, V. & Lvi, M. (eds.) *Trust and Governance*. Russell Sage Foundation. New York.
6. *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 4) (2000). Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.
7. Horne, C. M. (2013). "Repairing and Wrestling the Ties that Bind? Lustration, Transitional Justice, and Social Trust in Post-Communist Countries". *Europe-Asia Studies*. Forthcoming.
8. Kornai, J. & Rose – Ackerman, S. (2004). *Building a Trustworthy State in Post-Socialist Transition*. Palgrave Macmillan. New York.
9. Kornai, J., Rothstein, B. & Rose – Ackerman, S. (eds., 2004). *Creating Social Trust in Post-Socialist Transition*. Palgrave Macmillan, New York.
10. Levi, M. (1998). *A State of Trust*. In: Braithwaite, V & Levi, M. (eds.) *Trust and Governance*. Russell Sage Foundation. New York.
11. Malanga, S. (2012). "The One "Bailout" Local Governments Can Afford". *City Journal* <http://www.city-journal.org/2012/eon1107sm.html>
12. Obama, B.. *Trust Matters*. Remarks by the President and Vice President in Dayton, OH <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2012/10/23/remarks-president-and-vice-president-dayton-oh>
13. Putnam, R. (1993). *Making Democracy Work: Civic Traditions in Modern Italy*. Princeton University Press.
14. Putnam, R. (2000). *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*. Simon & Schuster, New York.
15. Tyler, T. R. (1998). *Trust and Democratic Governance*. In: Braithwaite, V & Levi, M. (eds.) *Trust and Governance*. Russell Sage Foundation. New York.
16. <http://baodatviet.vn/Home/chinhtrixahoi/Nuoc-nha-gap-nhieu-su-dan-con-giup-Nha-nuoc/20126/215923.datviet>
17. Solomon, Robert C., Fernando Flores (2003). *Building Trust in Business, Politics, Relationships, and Life*. Oxford: Oxford University Press.
18. Nidam, Anass (2000). *Factors affecting the trust capital construction: the case of services inter-firm relationship*. Jean Moulin Lyon 3 University.